

Số 1061/QĐ/VHLKHXHVN

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;
- Căn cứ Quyết định số 12-QĐ/TW ngày 30/3/2026 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Kế hoạch - Tài chính.

### CHỦ TỊCH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 327/QĐ-KHXH ngày 26/4/2024 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT Viện Hàn lâm;
- Lưu VT, Ban KHTC.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Lợi**

## QUY ĐỊNH

### Định mức xây dựng dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1061 -QĐ/VHLKHXHVN ngày 09 tháng 6 năm  
2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

#### Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

##### 1. Đối tượng áp dụng

a) Các đơn vị thuộc và trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam  
(sau đây viết tắt là Viện Hàn lâm);

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện hoạt động khoa học của Viện  
Hàn lâm.

##### 2. Phạm vi áp dụng

a) Hoạt động khoa học của Viện Hàn lâm bao gồm việc tổ chức thực hiện và quản  
lý: Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là nhiệm vụ  
KHCN&ĐMST); Hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học; hoạt động tư vấn  
chính sách và các hoạt động khoa học khác.

Nhiệm vụ KHCN&ĐMST là nhiệm vụ được quy định tại Khoản 3, Khoản 4,  
Điều 4 Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Viện  
Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

b) Đối với các nhiệm vụ KHCN&ĐMST được tài trợ bằng nguồn vốn ODA,  
NGO, hợp tác quốc tế, hợp tác với bộ, ngành, địa phương áp dụng theo thoả thuận  
riêng, nếu không có thoả thuận riêng thì áp dụng theo định mức tại Quy định này.

#### Điều 2. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tiền thù lao tham gia nhiệm vụ KHCN&ĐMST gồm: tiền thù lao cho các  
thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST; tiền công lao động phổ  
thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu; tiền thuê chuyên gia trong  
nước và chuyên gia ngoài nước thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

2. Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST (bao gồm cả chi mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết cho việc phân tích, giải mã với giá thỏa thuận, bí quyết công nghệ để phát triển công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo).

3. Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

4. Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

5. Chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

8. Phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.

9. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

10. Chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

11. Chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

12. Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

13. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST.

### **Điều 3. Phân nhóm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Viện Hàn lâm**

Các nhiệm vụ KHCN&ĐMST tại Viện Hàn lâm được phân theo các nhóm kinh phí như sau:

1. Nhóm 1: Nhiệm vụ KHCN&ĐMST có kinh phí dưới 1.000 triệu đồng.
2. Nhóm 2: Nhiệm vụ KHCN&ĐMST có kinh phí từ 1.000 triệu đồng đến dưới 2.000 triệu đồng.
3. Nhóm 3: Nhiệm vụ KHCN&ĐMST có kinh phí từ 2.000 triệu đồng trở lên.

**Điều 4. Định mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Viện Hàn lâm**

1. Định mức chi thù lao cho chức danh/nhóm chức danh tham gia nhiệm vụ KH-CN&ĐMST

**Bảng 1. Hệ số lao động khoa học của các chức danh**

| STT | Chức danh (CD)                  | Hệ số lao động khoa học ( $H_{CD}$ ) |
|-----|---------------------------------|--------------------------------------|
| 1   | Chủ nhiệm nhiệm vụ              | 1,0                                  |
| 2   | Thư ký khoa học                 | 0,3                                  |
| 3   | Thành viên chính                | 0,8                                  |
| 4   | Thành viên                      | 0,4                                  |
| 5   | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 0,2                                  |

a) Dự toán chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ KH-CN&ĐMST được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học được tính theo công thức sau:

$$TL_{CD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

$TL_{CD}$ : Thù lao của chức danh tương ứng tham gia nhiệm vụ;

$H_{CD}$ : Hệ số lao động khoa học tương ứng của từng chức danh;

$DM_{CN}$ : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ (trong đó: nhóm 1 tối đa 49.000.000 đồng/tháng; nhóm 2 tối đa 56.000.000 đồng/tháng; nhóm 3 tối đa 70.000.000 đồng/tháng).

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

b) Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ KH-CN&ĐMST đối với nhóm chức danh (thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ) được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times \Sigma t_{NCD}$$

Trong đó:

$TL_{NCD}$ : Tổng thù lao của nhóm chức danh;

$H_{CD}$ : Hệ số lao động khoa học của chức danh;

$DM_{CN}$ : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ (trong đó: nhóm 1 tối đa 49.000.000 đồng/tháng; nhóm 2 tối đa 56.000.000 đồng/tháng; nhóm 3 tối đa 70.000.000 đồng/tháng).

$\Sigma t_{NCD}$ : Tổng số tháng được quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.

c) Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh cho số ngày được quy đổi không đủ tháng được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times (\Sigma t_n / 26)$$

Trong đó:

$TL_{NCD}$ : Tổng thù lao của nhóm chức danh;

$H_{CD}$ : Hệ số lao động khoa học của chức danh;

$DM_{CN}$ : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ (trong đó: nhóm 1 tối đa 49.000.000 đồng/tháng; nhóm 2 tối đa 56.000.000 đồng/tháng; nhóm 3 tối đa 70.000.000 đồng/tháng).

$\Sigma t_n$ : Tổng số ngày được quy đổi không đủ tháng mà nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ( $t_n < 26$ ).

d) Tổng chi thù lao cho các chức danh tham gia thực hiện tối đa không quá 80% tổng kinh phí nhiệm vụ KH-CN & Đ-MST.

2. Định mức chi cho các cuộc hội thảo khoa học, diễn đàn và tọa đàm khoa học thực hiện nhiệm vụ KH-CN & Đ-MST được quy định tại Bảng 5, Điều 5 Quy định này (được áp dụng theo hội thảo khoa học, diễn đàn và tọa đàm khoa học cấp Viện trực thuộc).

3. Định mức chi các nội dung: Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu; chi hội nghị; công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ; chi điều tra khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn; phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế; chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH-CN & Đ-MST; tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có) và chi quản lý chung nhiệm vụ KH-CN & Đ-MST thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKH-CN; Thông tư số 39/2025/TT-BKH-CN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định hiện hành có liên quan.

4. Chi công tác quản lý chung nhiệm vụ KH-CN & Đ-MST

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH-CN & Đ-MST có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH-CN & Đ-MST,

bao gồm các chi phí liên quan đến tổ chức, giám sát triển khai thực hiện, chi phí hành chính để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST tại tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KHCN&ĐMST bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/nhiệm vụ.

Căn cứ vào nguồn lực, đặc thù của nhiệm vụ, Thủ trưởng Tổ chức chủ trì có trách nhiệm xây dựng và quy định cụ thể tại Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị mình nội dung chi, mức chi đối với kinh phí quản lý chung đảm bảo theo quy định của nhà nước và của Viện Hàn lâm.

- Trích tối thiểu 10% kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KHCN&ĐMST để chi trả các khoản chi phí hành chính (văn phòng phẩm, in ấn, thông tin liên lạc...) bảo đảm thực hiện nhiệm vụ tại tổ chức chủ trì.

- Phần kinh phí còn lại để chi trả các chi phí liên quan đến tổ chức, giám sát triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST (do Tổ chức chủ trì, cơ quan quản lý và các tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện).

5. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST (nếu có): Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

#### **Điều 5. Định mức chi hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Viện Hàn lâm**

1. Định mức chi hoạt động quản lý nhiệm vụ KHCN&ĐMST thực hiện theo quy định tại các bảng sau:

#### **Bảng 2. Định mức chi quản lý tại Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam đối với nhiệm vụ KHCN&ĐMST**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| STT      | Nội dung công việc   | Đơn vị tính | Mức chi |
|----------|--|-------------|---------|
| 1        | <b>Chi Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</b> |             |         |
| <i>a</i> | <i>Chi hợp Hội đồng</i>  |             |         |
|          | Chủ tịch hội đồng  | Người       | 1.800   |
|          | Phó chủ tịch hội đồng; Thành viên (ủy viên) hội đồng                                       | Người       | 1.500   |

|          |  |   |       |
|----------|--|---|-------|
|          | Thư ký khoa học  | Người   | 300   |
|          | Thư ký hành chính  | Người   | 300   |
|          | Đại biểu được mời tham dự  | Người   | 200   |
| <i>b</i> | <i>Chi nhận xét đánh giá</i>   |   |       |
|          | Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng  | 01 phiếu nhận xét   | 700   |
|          | Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện  | 01 phiếu nhận xét   | 1.000 |
| <b>2</b> | <b>Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</b>           |   |       |
| <i>a</i> | <i>Chi họp Hội đồng</i>  |   |       |
|          | Chủ tịch hội đồng  | Người   | 1.500 |
|          | Phó chủ tịch hội đồng; Thành viên hội đồng   | Người   | 1.000 |
|          | Thư ký khoa học  | Người   | 300   |
|          | Thư ký hành chính  | Người   | 300   |
|          | Đại biểu được mời tham dự  | Người   | 200   |
| <i>b</i> | <i>Chi nhận xét đánh giá</i>   |   |       |
|          | Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng  | 01 phiếu nhận xét   | 500   |
|          | Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện  | 01 phiếu nhận xét   | 700   |
| <b>3</b> | <b>Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</b> |   |       |
| <i>a</i> | <i>Chi họp Hội đồng</i>  | 01 nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả |       |
|          | Chủ tịch hội đồng  | Người   | 1.800 |
|          | Phó chủ tịch hội đồng; Thành viên hội đồng   | Người   | 1.500 |
|          | Thư ký khoa học  | Người   | 300   |
|          | Thư ký hành chính  | Người   | 300   |

|          |  |                   |  |
|----------|--|-------------------|--|
|          | Đại biểu được mời tham dự  | Người             | 200  |
| <i>b</i> | <i>Chi nhận xét đánh giá</i>   |                   |  |
|          | Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng  | 01 phiếu nhận xét | 700  |
|          | Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện  | 01 phiếu nhận xét | 1.000  |
| <b>4</b> | <b>Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược</b>                               |                   |  |
| <i>a</i> | <i>Chi họp Hội đồng</i>  |                   | Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn trong nước quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 7/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu |
|          | Chủ tịch hội đồng  | Công              |  |
|          | Phó chủ tịch hội đồng; Thành viên hội đồng   | Công              |  |
|          | Thư ký khoa học  | Công              |  |
|          | Thư ký hành chính  | Công              |  |
| <i>b</i> | <i>Chi nhận xét đánh giá</i>   |                   |  |
|          | Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng  | 01 phiếu nhận xét | 1.000  |
| <b>5</b> | <b>Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia các Tổ chuyên gia</b> | <b>Chuyên gia</b> | <b>1.500</b>   |

Trường hợp Thư ký khoa học được bầu trong các hội đồng và kiêm thành viên hội đồng thì chỉ được hưởng thù lao của một chức danh có thù lao cao hơn trong hội đồng.

Đại biểu được mời tham dự trong các hội đồng không quá 5 người/01 hội đồng.

**Bảng 3. Định mức chi Tổ chuyên gia tư vấn rà soát, lựa chọn nhiệm vụ đặt hàng; Tổ chuyên gia đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ KHCN&ĐMST**

*Bảng 3.1. Định mức chi Tổ chuyên gia tư vấn rà soát, lựa chọn nhiệm vụ đặt hàng của nhiệm vụ KHCN&ĐMST*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| STT | Nội dung                | Đơn vị tính | Định mức chi |
|-----|-------------------------|-------------|--------------|
| 1   | Tổ trưởng Tổ chuyên gia | Người       | 1.500        |

|   |                          |       |       |
|---|--------------------------|-------|-------|
| 2 | Thành viên Tổ chuyên gia | Người | 1.200 |
| 3 | Thư ký hành chính        | Người | 300   |

Số lượng Tổ chuyên gia tư vấn rà soát, lựa chọn nhiệm vụ đặt hàng xác định theo nhóm nhiệm vụ cùng ngành, cùng lĩnh vực chuyên môn hoặc theo nhóm nhiệm vụ của một đơn vị, không bao gồm các nhiệm vụ đột xuất phát sinh trong năm và đảm bảo mỗi tổ chuyên gia rà soát, lựa chọn tối thiểu 5 nhiệm vụ trở lên.

*Bảng 3.2. Định mức chi Tổ chuyên gia đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ KHCN&ĐMST*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| STT | Nội dung                                       | Đơn vị tính       | Định mức chi |
|-----|--|-------------------|--------------|
| 1   | <i>Chi hợp Tổ Chuyên gia</i>                   |                   |              |
|     | Tổ trưởng Tổ chuyên gia                        | Người             | 1.800        |
|     | Thành viên Tổ chuyên gia                       | Người             | 1.500        |
|     | Thư ký hành chính                              | Người             | 300          |
| 2   | <i>Chi nhận xét đánh giá</i>                   |                   |              |
|     | Nhận xét đánh giá của thành viên Tổ chuyên gia | 01 phiếu nhận xét | 700          |

*Bảng 4. Định mức chi Tổ thẩm định kinh phí của nhiệm vụ KHCN&ĐMST*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| STT | Nội dung                  | Đơn vị tính    | Định mức chi |
|-----|---------------------------|----------------|--------------|
| 1   | Tổ trưởng tổ thẩm định    | Người/nhiệm vụ | 1.000        |
| 2   | Thành viên tổ thẩm định   | Người/nhiệm vụ | 700          |
| 3   | Thư ký hành chính         | Người/nhiệm vụ | 300          |
| 4   | Đại biểu được mời tham dự | Người/nhiệm vụ | 200          |

Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Bảng 5. Định mức chi áp dụng đối với hội thảo khoa học, diễn đàn và tọa đàm khoa học**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| STT | Nội dung   | Đơn vị tính | Hội thảo khoa học, Diễn đàn, Tọa đàm khoa học cấp Quốc gia, cấp Viện Hàn lâm | Hội thảo khoa học, Diễn đàn, Tọa đàm khoa học cấp Viện trực thuộc |
|-----|--|-------------|--|---|
| 1   | Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học                  | Người/buổi  | 2.000  | 1.500   |
| 2   | Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học                         | Người/buổi  | 700  | 500   |
| 3   | Báo cáo khoa học trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | Báo cáo     | 5.000  | 3.500   |
| 4   | Báo cáo khoa học được đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học   | Báo cáo     | 3.000  | 2.000   |
| 5   | Thành viên tham gia/đại biểu tham dự   | Người/buổi  | 300  | 200   |

Số lượng báo cáo khoa học trình bày và đặt hàng không trình bày được phê duyệt căn cứ theo quy mô, tính chất của hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả. Báo cáo kiến nghị, tư vấn từ kết quả của hội thảo khoa học được xây dựng trong kinh phí tổ chức hội thảo với mức chi tối đa bằng báo cáo khoa học trình bày tại hội thảo.

## 2. Các nội dung chi khác:

a) Định mức chi cho Tổ chuyên gia tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN&ĐMST tại Tổ chức chủ trì không quá 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại bảng 2 Điều 5 Quy định này.

b) Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong kỳ của nhiệm vụ KHCN&ĐMST; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

- Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Dự toán chi thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ KHCHN&ĐMST (trong trường hợp cần thiết theo Quyết định của Chủ tịch Viện Hàn lâm) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại bảng 2 Điều 5 Quy định này.

c) Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KHCHN&ĐMST được xây dựng vào dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

d) Đối với chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Viện Hàn lâm có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình: Mức chi thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên hội đồng của Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ KHCHN&ĐMST quy định tại bảng 2 Điều 5 Quy định này. Mức chi cho các hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Điều 6. Định mức chi nhiệm vụ KHCHN&ĐMST cấp Viện trực thuộc (nhiệm vụ KHCHN cơ sở) và hoạt động khoa học khác**

### **1. Nhiệm vụ KHCHN cơ sở**

Căn cứ nguồn lực, đặc thù hoạt động của đơn vị, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam có trách nhiệm xây dựng và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị nội dung, mức chi đối với nhiệm vụ KHCHN cơ sở đảm bảo không vượt quá 50% định mức chi cho nhiệm vụ KHCHN&ĐMST cấp Viện Hàn lâm nhóm 1 quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định này.

2. Đối với các hoạt động khoa học khác, Thủ trưởng các đơn vị căn cứ vào yêu cầu, nội dung của từng hoạt động để xây dựng và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị mức chi cho phù hợp, đảm bảo theo hướng dẫn tại Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

## **Điều 7. Định mức chi hoạt động tư vấn chính sách**

Thủ trưởng đơn vị có liên quan đến hoạt động tư vấn chính sách căn cứ nguồn lực và đặc thù hoạt động có trách nhiệm xây dựng và quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị mình nội dung chi và mức chi đối với hoạt động tư vấn chính sách đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Nội dung và định mức chi hoạt động tư vấn chính sách như sau:

### **1. Thù lao nghiên cứu xây dựng báo cáo tư vấn chính sách:**

Chức danh tham gia nghiên cứu xây dựng báo cáo gồm thành viên chính và thành viên. Mỗi báo cáo được chủ trì thực hiện bởi tối đa một thành viên chính. Thù lao chi trả cho các thành viên tham gia nghiên cứu xây dựng nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Quy định này (áp dụng định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ tối đa không quá 40.000.000 đồng/tháng).

Căn cứ theo nội dung, tính chất của từng loại báo cáo để quyết định thù lao chi trả nghiên cứu xây dựng nội dung báo cáo với mức chi tối đa cho nghiên cứu xây dựng một báo cáo được gửi đi là 12 triệu đồng/báo cáo. Trường hợp các báo cáo sau khi thẩm định không gửi đi mà để làm tài liệu phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo sau đại học thì mức chi tối đa bằng  $\frac{1}{2}$  báo cáo được gửi đi, mức chi cụ thể cho báo cáo không gửi đi do Chủ tịch Viện Hàn lâm quyết định trên cơ sở chất lượng, mục đích sử dụng báo cáo đó. Đối với báo cáo là kết quả các Chương trình, nhiệm vụ KHCN&ĐMST không được chi thù lao xây dựng báo cáo.

2. Chi thuê chuyên gia thẩm định báo cáo: mức chi tối đa thực hiện theo quy định tại điểm 5 của Bảng 2 Điều 5 Quy định này. Số lượng chuyên gia thẩm định do Chủ tịch Viện quyết định.

3. Chi cho tổ chức hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học phục vụ cho hoạt động tư vấn chính sách: thực hiện theo quy định tại Bảng 5 Điều 5 Quy định này.

4. Chi chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo sau thẩm định: 300.000 đồng/báo cáo.

5. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn và các khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động tư vấn chính sách: được thực hiện theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và thực tế phát sinh, trong phạm vi dự toán được phê duyệt và đảm bảo tiết kiệm.

### **Điều 8. Định mức chi nghiên cứu xây dựng báo cáo chuyên đề**

1. Thù lao nghiên cứu xây dựng báo cáo chuyên đề:

Các chức danh tham gia nghiên cứu xây dựng báo cáo chuyên đề thực hiện như báo cáo tư vấn chính sách tại khoản 1 Điều 7 Quy định này.

Mức chi nghiên cứu xây dựng báo cáo chuyên đề do Chủ tịch Viện Hàn lâm quyết định tùy theo nội dung, tính chất của từng loại báo cáo, trong đó: báo cáo theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Quốc hội tối đa 20 triệu đồng/báo cáo; báo cáo theo yêu cầu của Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, Viện Hàn lâm tối đa 15 triệu đồng/báo cáo.

2. Chi thuê chuyên gia thẩm định báo cáo, chỉnh sửa báo cáo sau thẩm định thực hiện theo mức chi tại khoản 2, khoản 4 Điều 7 Quy định này.

### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Định mức chi tại Quy định này là mức chi tối đa. Dự toán chi cho các hoạt động khoa học của Viện Hàn lâm được xây dựng căn cứ nội dung và định mức tại quy định này đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao. Các nội dung và định mức chi không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN, Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN và các quy định hiện hành của nhà nước.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Đối với nhiệm vụ KH&ĐMST đã được Viện Hàn lâm phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Quy định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo dự toán đã được phê duyệt.

4. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam có trách nhiệm lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khoa học đảm bảo đúng mục đích, đúng các quy định pháp luật có liên quan và Quy định này, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

5. Ban Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này; kiểm tra, giám sát quá trình quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khoa học tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam./.